

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 33

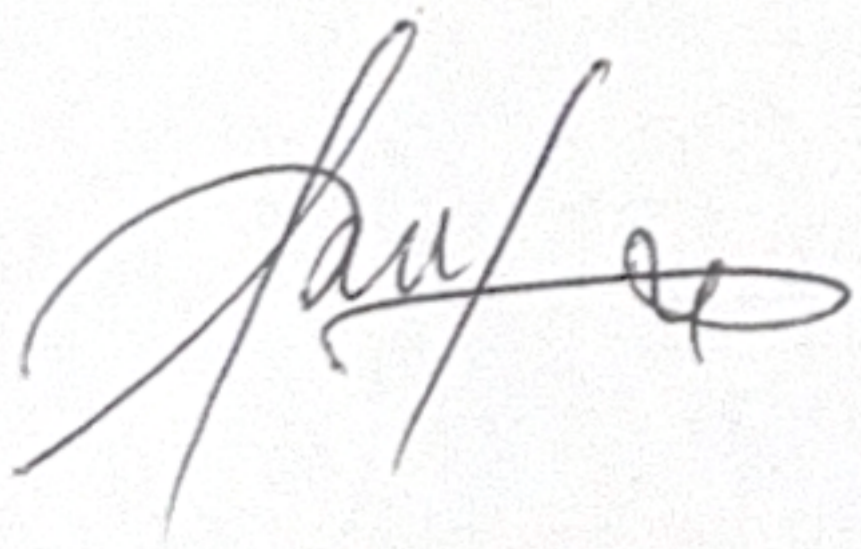
Môn: Phần B.II. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 26/10/2025

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	7,50	Bảy phẩy năm	41	Nông Quốc Huy	8,00	Tám
2	Lê Nam Bắc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Đàm Thu Lệ	7,00	Bảy
3	Nông Đình Bảng	7,00	Bảy	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	7,50	Bảy phẩy năm	44	Hoàng Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Lăng Văn Long	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Bé Ngọc Công	8,00	Tám	46	Nông Văn Long	7,50	Bảy phẩy năm
7	Đinh Văn Cường	6,50	Sáu phẩy năm	47	Nông Đức Long	7,50	Bảy phẩy năm
8	Lương Thị Đào	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bé Thanh Đạt	7,00	Bảy	49	Tô Linh Nam	7,50	Bảy phẩy năm
10	Đặng Xuân Định	7,50	Bảy phẩy năm	50	Đinh Thị Thanh Nga	8,00	Tám
11	Mã Văn Duệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Hà Văn Nghị	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	7,00	Bảy	52	Trương Đại Nghĩa	7,50	Bảy phẩy năm
13	Bạch Thái Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,00	Bảy
14	Nguyễn Tiến Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Hà Ngọc Dương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Nông Thị Minh Nguyệt	8,00	Tám
16	Phạm Thị Giang	8,00	Tám	56	Bé Văn Nhân	7,00	Bảy
17	Trần Nguyên Giáp	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Ma Thị Hải	8,00	Tám	58	Dương Thanh Phong	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Ngọc Hải	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Lâm Thị Quỳnh	7,00	Bảy
21	Hoàng Quang Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	61	Bàn Tồn Sao	7,50	Bảy phẩy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	7,00	Bảy	62	Đinh Thị Hồng Sợi	7,50	Bảy phẩy năm

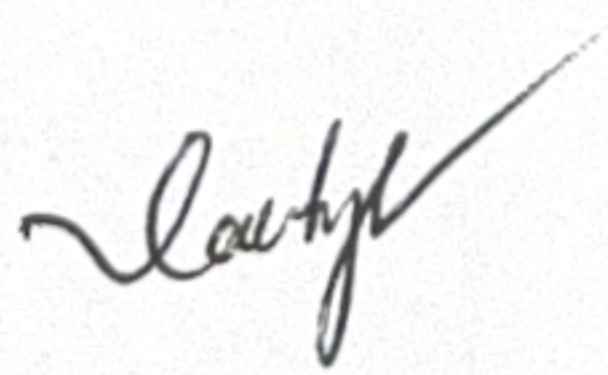
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	Nông Đức Tài	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nông Thị Hòa	7,00	Bảy	64	Nông Hồng Thắm	8,25	Tám phẩy hai năm
25	Lục Xuân Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Phan Văn Thành	7,50	Bảy phẩy năm
26	Thâm Đức Hoàng	7,00	Bảy	66	Phan Thiêm	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Nông Duy Hoằng	8,00	Tám	67	Lê Thị Xuân Thương	7,00	Bảy
28	Hoàng Doãn Hoạt	8,00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	7,00	Bảy
29	Hoàng Văn Hội	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lê Minh Thụy	8,00	Tám
30	Lê Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Lương Thị Thu Trang	8,00	Tám
31	Hoàng Văn Huân	7,00	Bảy	71	Phan Minh Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đình Văn Hùng	8,00	Tám	72	Nông Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Trần Văn Hùng	8,25	Tám phẩy hai năm	73	Đình Kiều Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Bế Văn Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	74	Lê Kim Trường	8,00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Hồ Anh Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	76	Hứa Thanh Tùng	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Nông Hồng Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Đoàn Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Trương Ngọc Hữu	7,50	Bảy phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyên	7,00	Bảy
40	Lý Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyên	8,00	Tám

**GHI ĐIỂM**



**Nguyễn Thu Hằng**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thủy**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**